

Số: /2025/TT-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 1

THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều về thủ tục hành chính
tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực
quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều về thủ tục hành chính tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này sửa đổi, bổ sung một số điều về thủ tục hành chính tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối bao gồm:

1. Quyết định số 17/2004/QĐ-NHNN ngày 05 tháng 01 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2022/TT-NHNN ngày

30 tháng 12 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật để phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối) (gọi tắt là Quyết định số 17/2004/QĐ-NHNN).

2. Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN ngày 11 tháng 7 năm 2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quy chế đại lý đổi ngoại tệ (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bản đổi ngoại tệ của cá nhân; Thông tư số 15/2019/TT-NHNN ngày 11 tháng 10 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối) (gọi tắt là Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN).

3. Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện quy định hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2015/TT-NHNN ngày 19 tháng 10 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2013 hướng dẫn thực hiện quy định hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam; Thông tư số 03/2019/TT-NHNN ngày 29 tháng 3 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2013 hướng dẫn thực hiện quy định hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam) (gọi tắt là Thông tư số 32/2013/TT-NHNN).

4. Thông tư số 21/2014/TT-NHNN ngày 14 tháng 8 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về phạm vi hoạt động ngoại hối, điều kiện, trình tự thủ tục chấp thuận hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-NHNN ngày 05 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2014/TT-NHNN ngày 14 tháng 8 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về phạm vi hoạt động ngoại hối, điều kiện, trình tự, thủ tục chấp thuận hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về việc cấp Giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư số 15/2019/TT-NHNN ngày 11 tháng 10 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối; Thông tư số 23/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật để phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối) (gọi tắt là Thông tư số 21/2014/TT-NHNN).

5. Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bản đổi ngoại tệ của cá nhân; Thông tư số 15/2019/TT-NHNN ngày 11 tháng 10 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số văn bản

quy phạm pháp luật về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối; Thông tư số 24/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối) (gọi tắt là Thông tư số 34/2015/TT-NHNN).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cục Quản lý ngoại hối (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tại các Khu vực (gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực) có thẩm quyền xử lý thủ tục hành chính theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật tại Điều 1 Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính về quản lý ngoại hối theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật tại Điều 1 Thông tư này.

Điều 3. Điều chỉnh tên cơ quan

Điều chỉnh tên cơ quan tại các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Thông tư này như sau:

1. Thay thế cụm từ “Vụ Quản lý ngoại hối” thành “Cục Quản lý ngoại hối”.
2. Thay thế cụm từ “Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng” thành “Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng”.
3. Thay thế các cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”, “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố”, “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh (thành phố)”, “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” thành “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực”; thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới” thành “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có tỉnh biên giới”.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 17/2004/QĐ-NHNN

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ban hành theo Quyết định số 17/2004/QĐ-NHNN

“Điều 11. Tổ chức thực hiện

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có tỉnh biên giới quán triệt nội dung Quy chế này, xin ý kiến chỉ đạo của cấp Ủy và chính quyền địa phương, tổ chức và triển khai thực hiện thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; phổ biến hướng dẫn các doanh nghiệp trên địa bàn; thực hiện phối hợp cùng các cơ quan hữu quan như thương mại, tài chính, hải quan, công an, biên phòng tổ chức triển khai tốt hoạt động thanh toán hàng hóa xuất nhập khẩu và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới.

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có tỉnh biên giới quản lý và giám sát việc thực hiện thanh toán biên giới đối với các ngân hàng được phép và tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

Tổng Giám đốc (Giám đốc) các ngân hàng được phép chỉ đạo các chi nhánh của ngân hàng mình tại các tỉnh biên giới Việt Nam - Campuchia chủ động liên hệ với các ngân hàng thương mại phía Campuchia để thoả thuận đặt quan hệ đại lý thanh toán phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, VND, KHR theo Quy chế này, đáp ứng nhu cầu thanh toán trong các giao dịch mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại giữa thương nhân hai nước tại khu vực biên giới giữa Việt Nam và Campuchia.”

Điều 5. Bãi bỏ, thay thế một số điểm, khoản, Điều, Phụ lục của Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ban hành theo Quyết định số 17/2004/QĐ-NHNN

1. Bãi bỏ điểm d Điều 3.
2. Bãi bỏ Điều 8.
3. Bãi bỏ khoản 2 Điều 12.
4. Bãi bỏ Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 4 ban hành kèm theo Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia.
5. Thay thế Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia bằng Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III **SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA** **QUYẾT ĐỊNH SỐ 21/2008/QĐ-NHNN**

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 4a Quy chế đại lý đổi ngoại tệ ban hành theo Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN

“Điều 4a. Nguyên tắc lập, gửi và trả kết quả hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ; đăng ký thay đổi đại lý đổi ngoại tệ

1. Tổ chức kinh tế nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính và nhận kết quả thủ tục hành chính theo một trong ba cách thức sau:

- a) Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia;
- b) Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;
- c) Gửi qua dịch vụ bưu chính.

2. Văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ, văn bản từ chối chấp thuận đăng ký đại lý đối ngoại tệ, đăng ký thay đổi đại lý đối ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực được thực hiện dưới hình thức văn bản điện tử.

3. Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp tổ chức thuộc đối tượng chưa được cấp định danh tại VneID hoặc hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Khu vực.

4. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản gốc văn bản điện tử, bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF) trừ Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý đối ngoại tệ, Đơn đăng ký thay đổi đại lý đối ngoại tệ được khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

5. Các tài liệu trong hồ sơ giấy là bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực, bản sao có xác nhận của tổ chức về việc sao từ bản chính hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

6. Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực chấp thuận đăng ký đại lý đối ngoại tệ, đăng ký thay đổi đại lý đối ngoại tệ phải được lập thành một bộ bằng tiếng Việt. Trường hợp hồ sơ gốc bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt do tổ chức tự dịch (bản dịch phải được xác nhận về tính chính xác so với nội dung tiếng nước ngoài bởi người đại diện hợp pháp của tổ chức) hoặc thông qua một đơn vị cung cấp dịch vụ dịch thuật.

7. Việc tiếp nhận hồ sơ được thực hiện quy định hiện hành của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và cổng dịch vụ công quốc gia và theo quy định tại Quy chế này. Đối với hồ sơ được nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia, cán bộ tại Bộ phận Một cửa thông báo về việc tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ cho tổ chức không muộn hơn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ. Việc thông báo được gửi đến tài khoản của tổ chức trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua chức năng gửi thư điện tử hoặc gửi tin nhắn điện thoại tự động của Cổng dịch vụ công quốc gia.

8. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính gửi cho tổ chức là bản điện tử hoặc bản giấy (trong trường hợp tổ chức đề nghị)."

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7a Quy chế đại lý đối ngoại tệ ban hành theo Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN

"2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy chế này) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi đại lý đối ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Quy chế này).

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ (trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 4a Quy chế này).

Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc thông báo bằng văn bản gửi tổ chức (trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 4a Quy chế này) và nêu rõ lý do.”

Điều 8. Bãi bỏ, thay thế một số điểm, khoản, Điều, Phụ lục của Quy chế đại lý đối ngoại tệ ban hành theo Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN

1. Bãi bỏ khoản 1 Điều 7a.
2. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 7 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 2 Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đối ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân).
3. Thay thế Phụ lục 1, Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quy chế đại lý đối ngoại tệ bằng Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương IV
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA
THÔNG TƯ SỐ 32/2013/TT-NHNN

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 4a

“Điều 4a. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam

1. Nguyên tắc lập, gửi và trả kết quả hồ sơ đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam:

a) Tổ chức nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính và nhận kết quả thủ tục hành chính theo một trong ba cách thức sau:

- (i) Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia;
- (ii) Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- (iii) Gửi qua dịch vụ bưu chính.

b) Văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ, văn bản từ chối chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được thực hiện dưới hình thức văn bản điện tử;

c) Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp tổ chức thuộc đối tượng chưa được cấp định danh tại VneID hoặc hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả

kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước;

d) Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản gốc văn bản điện tử, bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF) trừ Đơn đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam được khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia;

đ) Các tài liệu trong hồ sơ giấy là bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực, bản sao có xác nhận của tổ chức về việc sao từ bản chính hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính;

e) Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam phải được lập thành một bộ bằng tiếng Việt. Trường hợp hồ sơ gốc bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt do tổ chức tự dịch (bản dịch phải được xác nhận về tính chính xác so với nội dung tiếng nước ngoài bởi người đại diện hợp pháp của tổ chức) hoặc thông qua một đơn vị cung cấp dịch vụ dịch thuật.

g) Việc tiếp nhận hồ sơ được thực hiện quy định hiện hành của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và cổng dịch vụ công quốc gia và theo quy định tại Thông tư này. Đối với hồ sơ được nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia, cán bộ tại Bộ phận Một cửa thông báo về việc tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ cho tổ chức không muộn hơn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ. Việc thông báo được gửi đến tài khoản của tổ chức trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua chức năng gửi thư điện tử hoặc gửi tin nhắn điện thoại tự động của Cổng dịch vụ công quốc gia.

h) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính gửi cho tổ chức là bản điện tử hoặc bản giấy (trong trường hợp tổ chức đề nghị)."

2. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam;

b) Văn bản trình bày sự cần thiết sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam kèm theo các hồ sơ, tài liệu chứng minh.

3. Trong thời hạn 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam căn cứ vào tình hình thực tế và tính chất cần thiết của từng trường hợp để xem xét cấp văn bản chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ (trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này).

Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc thông báo bằng văn bản gửi tổ chức (trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này) và nêu rõ lý do."

Điều 10. Bổ sung Phụ lục

Bổ sung Phụ lục IV về mẫu Đơn đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương V **SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA** **THÔNG TƯ SỐ 21/2014/TT-NHNN**

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 12

“1. Khi có nhu cầu thực hiện hoạt động ngoại hối trên thị trường trong nước, thị trường quốc tế, ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi trực tiếp đến Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại bổ sung hồ sơ.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước xem xét:

a) Chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước, thị trường quốc tế cho ngân hàng thương mại dưới hình thức cấp mới/cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép;

b) Chấp thuận hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước, thị trường quốc tế cho ngân hàng thương mại.

Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước cho ngân hàng thương mại thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế bao gồm các nội dung chính sau: tên nghiệp vụ, sản phẩm, nhóm sản phẩm được thực hiện; thời hạn thực hiện; các hạn chế và điều kiện đảm bảo an toàn (nếu có). Văn bản chấp thuận hoạt động ngoại hối khác cho ngân hàng thương mại theo mẫu tại Phụ lục 04 đính kèm Thông tư này.

c) Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho ngân hàng thương mại và nêu rõ lý do.”

Điều 12. Bãi bỏ một số điểm, khoản, Điều

1. Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 10.

2. Bãi bỏ khoản 3, khoản 4 Điều 29.

3. Bãi bỏ khoản 3, khoản 4 Điều 29a.

4. Bãi bỏ Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34.

Chương VI

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 34/2015/TT-NHNN

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 1

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, bao gồm hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức kinh tế (bao gồm Tổng công ty Bưu điện Việt Nam).”

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5

“3. Định kỳ ngày 10 tháng 1 và ngày 10 tháng 7 hàng năm, tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế có trách nhiệm báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực về những thay đổi, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều này, trong đó nêu cụ thể lý do thay đổi, bổ sung (nếu có phát sinh thay đổi, bổ sung).”

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Điều 9

“Điều 9. Nguyên tắc lập, gửi và trả kết quả hồ sơ đề nghị chấp thuận làm dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ

1. Tổ chức nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính và nhận kết quả thủ tục hành chính theo một trong ba cách thức sau:

- a) Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia;
- b) Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;
- c) Gửi qua dịch vụ bưu chính.

2. Văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ, văn bản từ chối chấp thuận làm dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực được thực hiện dưới hình thức văn bản điện tử.

3. Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp tổ chức thuộc đối tượng chưa được cấp định danh tại VneID hoặc hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

4. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản gốc văn bản điện tử, bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF) trừ Đơn đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ, Đơn đề nghị chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ, Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ, Đơn đề nghị chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ được khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

5. Các tài liệu trong hồ sơ giấy là bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực, bản sao có xác nhận của tổ chức về việc sao từ bản chính hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

6. Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực chấp thuận làm dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ phải được lập thành một bộ bằng tiếng Việt. Trường hợp hồ sơ gốc bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt do tổ chức tự dịch (bản dịch phải được xác nhận về tính chính xác so với nội dung tiếng nước ngoài bởi người đại diện hợp pháp của tổ chức) hoặc thông qua một đơn vị cung cấp dịch vụ dịch thuật.

7. Việc tiếp nhận hồ sơ được thực hiện quy định hiện hành của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và công dịch vụ công quốc gia và theo quy định tại Thông tư này. Đối với hồ sơ được nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia, cán bộ tại Bộ phận Một cửa thông báo về việc tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ cho tổ chức không muộn hơn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ. Việc thông báo được gửi đến tài khoản của tổ chức trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua chức năng gửi thư điện tử hoặc gửi tin nhắn điện thoại tự động của Cổng dịch vụ công quốc gia.

8. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính gửi cho tổ chức là bản điện tử hoặc bản giấy (trong trường hợp tổ chức đề nghị)."

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12

"2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn xem xét, cấp văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này).

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ (trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này).

Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc thông báo bằng văn bản gửi tổ chức (trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này) và nêu rõ lý do."

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15

"2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn xem xét, cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này); văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này).

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ (trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này).

Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc thông báo bằng văn bản gửi tổ chức (trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này) và nêu rõ lý do.”

Điều 18. Bãi bỏ một số điểm, khoản, Điều, Phụ lục

1. Bãi bỏ khoản 1 Điều 4.
2. Bãi bỏ điểm b, khoản 1 Điều 11.
3. Bãi bỏ khoản 1, khoản 3 Điều 12.
4. Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 14.
5. Bãi bỏ khoản 1, khoản 3 Điều 15.
6. Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 21.
7. Bãi bỏ khoản 3 Điều 22.
8. Bãi bỏ Phụ lục 2, Phụ lục 4, Phụ lục 9, Phụ lục 11, Phụ lục 13, Phụ lục 15.
9. Thay thế Phụ lục 16, Phụ lục 17 ban hành kèm theo Thông tư số 34/2015/TT-NHNN bằng Phụ lục V, Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025.
2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các điều khoản sau đây hết hiệu lực:
 - a) Khoản 4, khoản 7, khoản 9, khoản 10 Điều 1 Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân;

b) Khoản 2, khoản 3 Điều 3 Thông tư số 15/2019/TT-NHNN ngày 11 tháng 20 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối;

c) Điều 2, Phụ lục số 03 Thông tư số 23/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật để phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối;

d) Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 Thông tư số 24/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Thủ trưởng các đơn vị thuộc NHNN;
- TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Công báo;
- Lưu: VP, Vụ PC, Cục QLNH.

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**

Phạm Quang Dũng

Phụ lục I

(Kèm theo Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**
CHI NHÁNH KHU VỰC.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THANH TOÁN VỚI CAMPUCHIA
Quý...năm...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

Đơn vị: USD

STT	Hình thức thanh toán	Số tiền thanh toán	
		Xuất khẩu	Nhập khẩu
1	Thanh toán thông qua ngân hàng hai nước bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi		
2	Thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc VND thông qua tài khoản của thương nhân Campuchia mở tại các ngân hàng Việt Nam		
3	Thanh toán bằng VND hoặc KHR thông qua ngân hàng tỉnh biên giới		
Tổng cộng			

....., ngày tháng năm 20..

GIÁM ĐỐC
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục II

(Kèm theo Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ
Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày....tháng....năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ
ĐẠI LÝ ĐỐI NGOẠI TỆ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

mã số doanh nghiệp ...

ngày cấp .../.../...

Cơ quan cấp:

Hợp đồng đại lý đối ngoại tệ ký giữa ... (Tên tổ chức kinh tế) và ... (Tên tổ chức
tín dụng ủy quyền):

số ... ngày .../.../...

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ... xem xét cấp Giấy chứng nhận
đăng ký đại lý đối ngoại tệ cho ... (Tên tổ chức kinh tế) tại các địa điểm sau:

1. Đại lý đối ngoại tệ số 1: địa chỉ, điện thoại
2. Đại lý đối ngoại tệ số 1: địa chỉ, điện thoại
3. Đại lý đối ngoại tệ số n: địa chỉ, điện thoại

... (Tên tổ chức kinh tế) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung
thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục III

(Kèm theo Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ
Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐẠI LÝ ĐỐI NGOẠI TỆ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

mã số doanh nghiệp ...

ngày cấp .../.../...

Cơ quan cấp:

Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ:

số ...

ngày cấp .../.../...

... (Tên tổ chức kinh tế) đề nghị thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ với nội dung sau:

.....
.....
.....

... (Tên tổ chức kinh tế) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IV

(Kèm theo Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

TÊN TỔ CHỨC
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày....tháng....năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN SỬ DỤNG NGOẠI HỐI
TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

mã số doanh nghiệp ... ngày cấp .../.../...

Cơ quan cấp:

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét chấp thuận cho ... (Tên tổ chức)
được sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam như sau:

1. Nội dung đề nghị:
2. Mục đích sử dụng ngoại hối:
3. Đề xuất, kiến nghị:

... (Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực,
chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục V

(Kèm theo Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

TÊN TỔ CHỨC.....

ĐT: (Bộ phận trực tiếp làm báo cáo)

**BÁO CÁO SỐ LIỆU ĐẠI LÝ CHI TRẢ NGOẠI TỆ CỦA TỔ CHỨC
KINH TẾ, TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG
NƯỚC NGOÀI LÀM ĐẠI LÝ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ**
Quý...năm...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

Đơn vị: Nghìn USD

STT	Tên tổ chức ủy quyền	Tổng số tiền nhận từ tổ chức ủy quyền trong kỳ (quy USD)*	Chi trả cho người thụ hưởng	
			Bảng ngoại tệ (quy USD)*	Bảng Đồng Việt Nam
1				
2				
3				
.....				
Tổng				

* Quy đổi theo tỷ giá ngày cuối cùng của kỳ báo cáo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục VI

(Kèm theo Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

TÊN TỔ CHỨC.....

ĐT: (Bộ phận trực tiếp làm báo cáo)

**BÁO CÁO SỐ LIỆU NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ CỦA TỔ CHỨC
KINH TẾ TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ
Quý...năm...**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

1. Biểu 1: Áp dụng cho: (i) tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ trên một địa bàn; (ii) chi nhánh của tổ chức kinh tế trong trường hợp tổ chức kinh tế chi, trả ngoại tệ thông qua chi nhánh trên nhiều địa bàn.

Đơn vị: Nghìn USD

STT	Tên nước chuyển tiền về Việt Nam ¹	Tổng số ngoại tệ nhận ² (quy USD) ³	Chi trả cho người thụ hưởng	
			Bảng ngoại tệ (quy USD) ³	Bảng Đồng Việt Nam
1				
2				
3				
....				
Tổng				

¹ Không áp dụng cho chi nhánh của tổ chức kinh tế.

² Tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ trên một địa bàn báo cáo tổng số ngoại tệ nhận từ nước ngoài chuyển về; chi nhánh của tổ chức kinh tế báo cáo tổng số ngoại tệ nhận từ trụ sở chính của tổ chức kinh tế.

³ Quy đổi theo tỷ giá ngày cuối cùng của kỳ báo cáo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)

2. Biểu 2: Áp dụng cho trụ sở chính của tổ chức kinh tế trong trường hợp tổ chức kinh tế chi, trả ngoại tệ trên nhiều địa bàn.

Đơn vị: Nghìn USD

	Tên nước chuyển tiền về Việt Nam ¹	Tổng số ngoại tệ nhận từ nước ngoài (quy USD) ²	Số ngoại tệ chuyển cho chi nhánh	Chi trả cho người thụ hưởng	
				Bảng ngoại tệ (quy USD) ²	Bảng Đồng Việt Nam
Trụ sở chính					
Chi nhánh 1					
Chi nhánh 2					
Chi nhánh n					
Tổng					

¹ Áp dụng cho trụ sở chính.

² Quy đổi theo giá ngày cuối cùng của kỳ báo cáo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)